**ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE, BIỂN SỐ XE TẠI CÔNG AN CẤP HUYỆN**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1.1. Cơ sở pháp lý** | | | | | | |
| + Luật Giao thông đường bộ năm 2008;  + Thông tư số 58/2020/TT-BCA ngày 16/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình cấp, thu hồi đăng ký, biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;  + Thông tư số 59/2020/TT-BCA ngày 16/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an về quy định công tác nghiệp vụ cấp, thu hồi đăng ký, biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của lực lượng Cảnh sát giao thông;  + Thông tư 229/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. | | | | | | |
| **1.2. Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính** | | | | | | |
| Đội Cảnh sát giao thông – Trật tự, Công an cấp huyện tổ chức đổi lại giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe cho các loại xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện, xe có kết cấu tương tự xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện của cơ quan, tổ chức, cá nhân.  - Các trường hợp phải đổi lại giấy chứng nhận đăng ký xe: Xe cải tạo, xe thay đổi màu sơn; giấy chứng nhận đăng ký xe bị mờ, rách nát, thay đổi các thông tin của chủ xe (tên chủ xe, địa chỉ) hoặc chủ xe tự nguyện đổi giấy chứng nhận đăng ký xe cũ lấy giấy chứng nhận đăng ký xe theo quy định của Thông tư số 58/2020/TT-BCA (K1, Đ11).   - Các trường hợp phải đổi lại biển số xe: Biển số bị mờ, gẫy, hỏng hoặc chủ xe có nhu cầu đổi biển số 3, 4 số sang biển số 5 số. | | | | | | |
| **1.3** | **Thành phần hồ sơ** | | | | **Bản chính** | **Bản sao** |
| 1 | **Giấy khai đăng ký xe** *(theo mẫu)* | | | | x |  |
| 2 | **Giấy tờ đối với chủ xe** *(theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 58/2020/TT-BCA ngày 16/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình cấp, thu hồi đăng ký, biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ)* | | | | x |  |
| 3 | Nộp lại giấy chứng nhận đăng ký xe (trường hợp đổi giấy chứng nhận đăng ký xe) hoặc biển số xe (trường hợp đổi biển số xe) | | | | x |  |
| **1.4. Số lượng hồ sơ**: 01 bộ hồ sơ. | | | | | | |
| **1.5. Thời gian xử lý** | | | | | | |
| Không quá 02 ngày làm việc (cấp đổi giấy đăng ký) và 07 ngày làm việc (cấp lại biển số), kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định. | | | | | | |
| **1.6. Nơi tiếp nhận và trả kết quả** | | | | | | |
| - Đội Cảnh sát giao thông – Trật tự, Công an cấp huyện. | | | | | | |
| **1.7. Thời gian tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả** | | | | | | |
| Trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần. | | | | | | |
| **1.8. Lệ phí** | | | | | | |
| - Cấp đổi giấy đăng ký kèm theo biển số: 130.000 đồng. Trường hợp đổi biển số từ 04 số sang biển số 05 số: 80.000 đồng.  - Cấp đổi giấy đăng ký không kèm theo biển số xe máy: 30.000 đồng.  - Cấp lại biển số: 100.000 đồng. | | | | | | |
| **1.9. Quy trình xử lý công việc** | | | | | | |
| **TT** | **Trình tự** | **Trách nhiệm** | **Thời gian** | **Biểu mẫu/Kết quả** | | |
| B1 | Chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo quy định; nộp hồ sơ. | Tổ chức, cá nhân | Giờ hành chính | Theo mục 5.3 | | |
| B2 | Kiểm tra giấy tờ của chủ xe, giấy khai đăng ký xe, giấy chứng nhận đăng ký xe (trừ trường hợp cấp lại giấy chứng nhận đăng ký xe bị mất). | Bộ phận chuyên môn nghiệp vụ | Giấy biên nhận hồ sơ | | |
| B3 | Kiểm tra thực tế xe (đối với xe cải tạo, thay đổi màu sơn, xe quảng cáo). | Bộ phận chuyên môn nghiệp vụ |  | | |
| B4 | Thu lại giấy chứng nhận đăng ký xe (đối với trường hợp đổi lại giấy chứng nhận đăng ký), biển số xe (đối với trường hợp đổi lại biển số xe) | Bộ phận chuyên môn nghiệp vụ |  | | |
| B5 | Thực hiện tìm kiếm xe trên hệ thống đăng ký, quản lý xe; lựa chọn đổi, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số. | Bộ phận chuyên môn nghiệp vụ | Giờ hành chính |  | | |
| B6 | Cấp giấy hẹn cho chủ xe; thu lệ phí theo quy định. | Bộ phận chuyên môn nghiệp vụ | Giờ hành chính |  | | |
| B7 | In giấy chứng nhận đăng ký xe; báo cáo chỉ huy Đội Cảnh sát giao thông – Trật tự  xem xét, duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo phụ trách ký các giấy tờ đăng ký xe theo quy định. | Bộ phận chuyên môn nghiệp vụ | Giờ hành chính |  | | |
| B8 | Đóng dấu và dán ép chứng nhận đăng ký xe; thu hồi giấy hẹn, trả giấy chứng nhận | Bộ phận chuyên môn nghiệp vụ | Biến số xe | | |
| B9 | 1. Đối với trường hợp đổi biển số xe thì thực hiện như sau: Trả biển số xe.  2. Trường hợp đổi giấy chứng nhận đăng ký xe thì thực hiện: In giấy CNĐK xe. | Bộ phận chuyên môn nghiệp vụ | Tờ trình  Dự thảo giấy đăng ký | | |
| B10 | Lưu hồ sơ | Bộ phận chuyên môn nghiệp vụ | Giờ hành chính |  | | |
|  |  |  |  |  |  |  |

**2. BIỂU MẪU**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã hiệu** | **Tên biểu mẫu** | **Có biểu mẫu** | **Không có**  **biểu mẫu** |
| 01 | BM01 | Mẫu giấy biên nhận |  | X |
| 02 | BM02 | Phiếu theo dõi quá trình xử lý công việc |  | X |
| 03 | BM03 | Mẫu Sổ theo dõi kết quả xử lý công việc |  | X |
| 04 | BM04 | Mẫu Sổ thống kê kết quả thực hiện TTHC |  | X |
| 05 | 01 số mẫu biểu mẫu khác | | | |

**3. HỒ SƠ LƯU**

|  |  |
| --- | --- |
| **TT** | **Hồ sơ lưu** |
| 01 | Giấy khai đăng ký xe; chứng nhận đăng ký xe (đối với các trường hợp đổi chứng nhận đăng ký xe). |
| 02 | Sổ theo dõi kết quả xử lý công việc |
| 03 | Sổ thống kê kết quả thực hiện TTHC |
| 04 | Và các hồ sơ khác có liên quan |
| Hồ sơ được lưu tại Đội Cảnh sát giao thông – Trật tự, Công an cấp huyện và lưu trữ theo quy định hiện hành. | |